TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN N** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 221/2019/DS-ST;
Ngày: 06/8/2019;
V/v tranh chấp "Hợp đồng vay tài sản ".

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Cao Thị Thu Thủy;**

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông **Mai Lưu Quốc Đạt**;

2/ Ông **Đoàn Thanh Phong**;

- Thư ký phiên tòa: Bà **Lê Nguyễn Ái Quyên**, thư ký Tòa án nhân dân huyện N.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N tham gia phiên tòa: Ông **Phạm Minh Thanh** – Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện N xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 460/2018/TLST-DS ngày 04 tháng 12 năm 2018 về tranh chấp "Hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 112/2019/QĐXX-ST ngày 26/6/2019 giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn*: **Lê Thị A -** sinh năm 1968;

Địa chỉ: ấp B, xã C, huyện N, tỉnh Tiền Giang.

Đại diện ủy quyền: **Trương Thị Thanh D** - sinh năm 1993;

Địa chỉ: Số 35 H1, Phường H2, TP. X, Tiền Giang.

(Theo văn bản ủy quyền ngày 26/11/2018).

Người bảo quyền và lợi ích hợp pháp: Luật sư **Dương Thị Kim H** - Thuộc đoàn luật sư tỉnh Tiền Giang.

Địa chỉ: Số 28 ấp G, xã Q, TP. X, tỉnh Tiền Giang.

Bị đơn:* **Phan Thị Kim L - sinh năm 1983 (chết ngày 15/11/2018);

Nơi cư trú cuối cùng: ấp B, xã C, huyện N, Tiền Giang.

Những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của chị L:

1/ **Nguyễn Văn H**, sinh năm 1984;

2/ **Nguyễn Ngọc Triệu K**, sinh năm 2007;

3/ **Nguyễn Khánh M**, sinh năm 2012.

Cùng cư trú: ấp B, xã C, huyện N, Tiền Giang.

Đại diện theo pháp luật của K và M: **Nguyễn Văn H**, sinh năm 1984;

Cư trú: ấp B, xã C, huyện N, Tiền Giang.

Đại diện ủy quyền của anh H: **Trần Văn P** - sinh năm 1965;

Địa chỉ: ấp O, xã C, huyện N, tỉnh Tiền Giang.

4/ Phan Trung J, sinh năm 1950;

Cư trú: ấp E, xã F, huyện N, Tiền Giang.

(Chị D có mặt, các đương sự khác vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong quá trình giải quyết vụ án, đại diện nguyên đơn chị Trương Thị Thanh D trình bày: Chị Lê Thị A có cho chị Phan Thị Kim L vay nhiều lần tiền, lãi suất của từng lần vay cũng khác nhau, các lần vay chị L đều có viết biên nhận cho chị A. Khi vay hai bên không thỏa thuận thời hạn trả tiền, chỉ thỏa thuận miệng khi nào cần lấy lại vốn thì chị A thông báo trước cho chị L 15 ngày. Chị A là dì ruột của chị L nên trong biên nhận đều thể hiện có mượn của dì út. Cụ thể các lần mượn như sau:

- Ngày 15/10/2017 vay 48.000.000 đ, lãi suất 1%/tháng;
- Ngày 19/7/2018 vay 40.000.000 đ, lãi suất 2.5%/tháng;
- Ngày 07/8/2018 vay 50.000.000 đ, lãi suất 5%/tháng;
- Ngày 15/8/2018 vay 20.000.000 đ, lãi suất 3%/tháng;
- Ngày 01/9/2018 vay 10.000.000 đ, lãi suất 6%/tháng;
- Ngày 09/9/2018 vay 50.000.000 đ, lãi suất 3%/tháng;
- Ngày 12/9/2018 vay 45.000.000 đ, lãi suất 3%/tháng;
- Ngày 12/9/2018 vay 256.000.000 đ, lãi suất 3%/tháng;

Tổng cộng số tiền vay là 519.000.000 đồng.

Ngoài ra chị L còn mượn của chị A các khoản tiền góp sau:

- Ngày 24/7/2018 mượn 20.000.000đ, góp 4.000.000đ, còn nợ lại 16.000.000đ;
- Ngày 24/7/2018 mượn 10.000.000đ, góp 4.605.000đ, còn nợ lại 5.395.000đ;
- Ngày 24/7/2018 mượn 10.000.000đ, góp 6.300.000đ, còn nợ lại 3.700.000đ;
- Ngày 30/7/2018 mượn 40.000.000đ, góp 4.000.000đ, còn nợ lại 36.000.000đ;
- Ngày 20/8/2018 mượn 15.000.000đ, góp 4.680.000đ, còn nợ lại 10.320.000đ;
- Ngày 20/8/2018 mượn 30.000.000đ, góp 1.575.000đ, còn nợ lại 28.425.000đ;
- Ngày 20/8/2018 mượn 10.000.000đ, góp 3.150.000đ, còn nợ lại 6.850.000đ;

- Ngày 04/9/2018 mượn 70.000.000đ, góp 15.435.000đ, còn nợ lại 54.565.000đ;

- Ngày 10/9/2018 mượn 30.000.000đ, góp 1.575.000đ, còn nợ lại 28.425.000đ;

- Ngày 22/9/2018 mượn 25.000.000đ, góp 3.900.000đ, còn nợ lại 21.100.000đ;

- Ngày 29/9/2018 mượn 25.000.000đ, góp 4.000.000đ, còn nợ lại 16.000.000đ;

- Ngày 03/10/2018 mượn 12.000.000đ, chưa góp còn nợ lại 12.000.000đ.

-Ngày10/10/2018 mượn 100.000.000đ, góp 5.250.000đ, còn nợ lại 94.750.000đ;

Tổng cộng tiền góp còn nợ lại 337.330.000 đồng.

Như vậy, chị L còn nợ lại chị A tổng cộng là 519.000.000đ + 337.330.000đ = 856.330.000đ. Ngày 13/6/2019, chị A có đơn xin rút lại một phần yêu cầu khởi đối với số tiền góp là 337.330.000 đồng.

Nay chị Lê Thị A yêu cầu những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của chị L gồm anh H, cháu K, cháu M và ông J trả cho chị A số tiền là 519.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi, thực hiện một lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

* Trong quá trình giải quyết vụ án, ông Trần Văn P là đại diện ủy quyền của ông Nguyễn Văn H trình bày: Anh Nguyễn Văn H là chồng của chị L, đồng thời anh H cũng là người đại diện theo pháp luật của cháu K và cháu Khánh (con của anh H và chị L). Qua nội dung khởi kiện của chị A, anh H có ý kiến như sau: Từ trước đến giờ anh H không biết việc vay mượn tiền giữa chị A và chị L. Lúc chị L còn sống, anh H cũng không nghe chị L nói về việc chị L vay tiền của chị A. Sau khi xem các biên nhận do chị A cung cấp, anh H không biết chữ viết và chữ ký trong các biên nhận có phải của chị L không. Căn cứ vào kết luận của Phân viện khoa học hình sự tại thành phố Hồ Chí Minh thì phía anh H thừa nhận khoản nợ của chị L và đồng ý trả số nợ trên trong phạm vi di sản do chị L chết để lại.

* Bị đơn ông Phan Trung J vắng mặt không có lý do mặc dù đã được triệu tập hợp lệ và không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu của nguyên đơn.

* Tại phiên tòa chị D vẫn giữ nguyên lời trình bày của nguyên đơn.

* Tại bài bảo vệ luật sư Dương Thị Kim H trình bày: Chị A kiện đòi số tiền 519.000.000 đồng mà trước đây chị L vay trên cơ sở các biên nhận do chị viết và ký tên được bía bị đơn thống nhất và một lần nữa được xác định tại Kết luận giám định số 1934 ngày 07/5/2019 của Phân viện khoa học hình sự tại TP.HCM. Với những nhận định định trên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị A.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, về nội dung vụ án xét thấy bị đơn vay tiền của nguyên đơn nhưng không thanh toán tiền là vi phạm nghĩa vụ trả tiền nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét toàn diện các chứng cứ, ý kiến của các đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Chị Lê Thị A khởi kiện yêu cầu những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của chị Phan Thị Kim L gồm anh Nguyễn Văn H, Nguyễn Ngọc Triệu K, Nguyễn Khánh M và ông Phan Trung J trả cho chị A số tiền vay mà chị L còn nợ là 519.000.000 đồng, do đó Tòa án xác định quan hệ pháp luật tranh chấp "Hợp đồng vay tài sản" theo quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự năm 2015.

[2] Ông Phan Trung J mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, do đó căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông J.

[3] Ngày 13/6/2019, chị A có đơn xin rút lại một phần yêu cầu khởi đối với số tiền góp là 337.330.000 đồng, đồng thời tại phiên tòa chị D là đại diện ủy quyền của chị A vẫn giữ nguyên yêu cầu rút một phần yêu cầu khởi kiện của chị A, do đó căn cứ vào khoản 2 Điều 244 BLTTDS Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ xét xử đối với một phần yêu cầu của chị A đối với bị đơn về số tiền góp là 337.330.000 đồng.

[3] Đối với yêu cầu khởi kiện của chị A, Tòa xét thấy: Căn cứ vào các biên nhận đề ngày 15/10/2017, 19/7/2018, 07/8/2018, 15/8/2018, 09/9/2018, 01/9/2018, 12/9/2018, 12/9/2018 do nguyên đơn cung cấp có chữ ký của chị L; căn cứ vào Kết luận số 1934/C09B ngày 07/5/2019 của Phân viện khoa học hình sự tại thành phố Hồ Chí Minh và lời thừa nhận của ông P - đại diện ủy quyền của anh H - có đủ cơ sở kết luận chị Phan Thị Kim L có vay của chị A 08 lần tiền với tổng số tiền là 519.000.000 đồng. Theo chị D trình bày, khi vay tiền hai bên chỉ thỏa Aận miệng khi nào cần lấy lại vốn thì chị A báo trước cho chị L 15 ngày; khoảng cuối năm 2018 do có nhu cầu sử dụng tiền nên chị A đã gặp L yêu cầu trả toàn bộ số tiền trên nhưng chưa trả thì ngày 15/11/2018 chị L chết. Sau khi chị L chết, chị A có gặp anh H - chồng chị A để yêu cầu anh H trả số tiền trên nM anh H yêu cầu chị A khởi kiện ra Tòa án vì anh H không biết số nợ trên. Như vậy, chị L vay của chị A số tiền là 519.000.000 đồng, khi đến hạn trả nợ chị A đã yêu cầu chị L thanh toán nợ nhưng chị L không trả là vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay theo quy định tại Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015, nên cần buộc chị L trả số tiền trên cho chị A.

Căn cứ vào biên bản xác minh ngày 24/6/2019 của Tòa án nhân dân huyện N tại Công an xã C thì chị Phan Thị Kim L đã chết ngày 15/11/2018 và những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của chị L gồm có: anh H, ông J, cháu Triệu K và cháu Khánh M. Do đó cần buộc những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của chị L gồm anh H, ông J, cháu Triệu K và cháu Khánh M có nghĩa vụ trả cho chị A số tiền nêu trên là hoàn toàn phù hợp với quy định pháp luật. Tuy nhiên, những người thừa kế của chị L chỉ thực hiện nghĩa vụ trả nợ trong phạm vi di sản do chị L chết để lại theo quy định Điều 615 Bộ luật dân sự.

[4] Ông J vắng mặt và không đưa ra chứng cứ chứng minh nên phải chịu hậu quả của việc không chứng minh theo quy định tại khoản 4 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự.

[5] Về án phí do yêu cầu của chị A được chấp nhận toàn bộ nên bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

[6] Đối với lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có cơ sở nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng Điều 147 và khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 463, Điều 466, Điều 615 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị A.

Buộc những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của chị Phan Thị Kim L gồm anh Nguyễn Văn H, ông Phan Trung J, Nguyễn Ngọc Triệu K và Nguyễn Khánh M có nghĩa vụ trả cho chị Lê Thị A số tiền là 519.000.000 đồng (Năm trăm mười chín triệu đồng), thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

Những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của chị Phan Thị Kim L gồm anh Nguyễn Văn H, ông Phan Trung J, Nguyễn Ngọc Triệu K và Nguyễn Khánh M thực hiện nghĩa vụ trả nợ trong phạm vi di sản do chị Phan Thị Kim L chết để lại.

2. Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị A đối với những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của chị Phan Thị Kim L gồm anh Nguyễn Văn H, ông Phan Trung J, Nguyễn Ngọc Triệu K và Nguyễn Khánh M về số tiền góp là 337.330.000 đồng.

3. Về án phí:

Anh Nguyễn Văn H, ông Phan Trung J, Nguyễn Ngọc Triệu K và Nguyễn Khánh M phải chịu 24.760.000 đồng (Hai mươi bốn triệu bảy trăm sáu chục triệu đồng), án phí dân sự sơ thẩm.

Chị Lê Thị A được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 18.845.000 đồng (Mười tám triệu tám trăm bốn mươi lăm ngàn đồng) theo biên lai A tiền số 0015381 ngày 05/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện N.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Các đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa Ậận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Cao Thị A Thủy

Nơi nhận:

- Toà án nhân dân tỉnh TG;
- VKSND huyện N;
- Chi cục THADS huyện N;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn.